

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 12- 2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: ông Kiều Công Ích và bà Vương Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 179/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Thúy H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu H, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Như T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu H, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H, anh T đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đặng Thị Thúy Hưng trình bày:

Chị H và anh Nguyễn Như T tự nguyện kết hôn với nhau năm 1990, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T tỉnh T. Do việc lưu giữ giấy đăng ký kết hôn cũ bị mất, địa phương không còn sổ sách lưu trữ thủ tục kết hôn, vì vậy, ngày 05/8/2022, chị và anh T làm thủ tục đăng ký kết hôn lại tại UBND xã Đ để có giấy tờ thủ tục xác nhận về quan hệ hôn nhân. Quá trình vợ chồng chung sống kể từ năm 1990 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn về sinh hoạt gia đình, anh T không quan tâm chăm sóc chị và các con, giữa chị và anh có mâu thuẫn về kinh tế. Từ khoảng năm 2012, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, không tìm được tiếng nói

chung, chị đã bỏ về nhà bố mẹ ở, vợ chồng đã sống ly thân. Nhiều năm nay, vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tuyền.

Về con chung: chị H và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 25/12/1990, cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 10/11/1992 và cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 16/10/2006. Khi ly hôn, cháu T và cháu T đã trưởng thành, chị H không đề nghị giải quyết; Còn cháu H hiện đang còn nhỏ, còn đi học, chị xin được trực tiếp nuôi cháu H, không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Như T trình bày:

Anh T và chị H kết hôn từ năm 1990, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, P. Do khi sử dụng, lưu trữ giấy tờ đăng ký kết hôn bị mục nát, UBND xã không có hồ sơ sổ sách lưu trữ nên chính quyền địa phương có hướng dẫn anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn lại vào tháng 8/2022. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có những vụ vặt hàng ngày. Kể từ năm 2012, chị H đã đi làm ăn ở Hà Nội, khi về chị không về nhà chung sống với anh mà về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay.

Anh T xác nhận vợ chồng không sống chung với nhau từ năm 2012, không cùng chung kinh tế cũng như không liên hệ với nhau về tình cảm. Anh có đề nghị chị về để vợ chồng đoàn tụ nhiều lần nhưng chị H không về.

Nay chị H xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn, anh xin được đoàn tụ, anh đề nghị chị H, nếu anh có lỗi làm gì thì bỏ qua cho anh để vợ chồng quay về cùng chung sống và lo cho con cái.

Anh và chị H đã có với nhau 03 con chung như chị H đã trình bày là đúng. Nếu ly hôn đặt ra, anh xin được nuôi cháu H, không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị Đặng Thị Thúy H được ly hôn anh Nguyễn Như T.

+ Về con chung: giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 16/10/2006. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Đặng Thị Thúy H và anh Nguyễn Như T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh T có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại xã Đ, huyện T, tỉnh P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Đặng Thị Thúy H và anh Nguyễn Như T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H và anh T có những bất đồng quan điểm sống. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ xã Đ cho biết quá trình chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn và xin ly hôn, chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ sở. Qua tìm hiểu tại khu dân cư, chính quyền địa phương được biết đã nhiều năm nay, chị H không còn chung sống cùng anh T. Anh T hiện vẫn sinh sống tại địa phương, chị H đi làm xa thỉnh thoảng có về bố mẹ đẻ ở xã Đ. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

Có thể thấy tình cảm vợ chồng chị H, anh T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho chị H được ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị H và anh T có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 25/12/1990, cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 10/11/1992 và cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 16/10/2006. Cháu T, cháu T hiện đã trưởng thành, đã có gia đình riêng, các bên không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét. Đối với cháu H hiện chưa đủ 18 tuổi, đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H và anh T đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu H. Xét thấy, cháu H nhiều năm nay ở cùng với chị H và do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bản thân cháu H có nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ, vì vậy, xét giao cháu H cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo cho cháu có sự ổn định để học tập và phát triển. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: Hai bên không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị Thúy H được ly hôn anh Nguyễn Như T.

[2]. Về con chung: Giao chị Đặng Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 16/10/2006 kể từ ngày 13/12/2022 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Đặng Thị Thúy H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí

số 0003511 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Chị H, anh T có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thanh Loan

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND xã Đỗ Sơn.
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hà Thanh Loan

